

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST

Ngày: 28/8/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đức Chính**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hoa

Bà Ngô Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hòa, kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường TAND Thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-KDTM ngày 05/6/2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- KDTM ngày 05/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Ngọc M – Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 1749/UQ-VPB ngày 12/3/2019), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần vận tải Đ(sau đây viết tắt là Công ty Đ)

Địa chỉ: đường X, phường B, TP H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết T– Giám đốc, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Viết T; Địa chỉ: đường X, tổ 1, Phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Công ty Đ vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín chấp, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 121116-3220022-01-SME ngày 14/11/2016, Khế ước nhận nợ số 121116-3220022-01-SME ngày 15/11/2016, số tiền vay: 420,000,000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất trong hạn: 7.5%/năm, lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, tính đến ngày 28/8/2019 đã trả gốc 168.000.000đ, lãi 66.637.474đ, còn nợ gốc: 252.000.000đ, lãi trong hạn: 3.664.625đ, lãi quá hạn: 35.807.100đ, phạt chậm trả: 3.950.559đ, **tổng: 295.422.284đ, ngày quá hạn: 15/12/2018.**

Hợp đồng thế chấp số: 121116-3220011-01-SME/TC ngày 14/11/2016 thế chấp tại Ngân hàng 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO FD9500, BKS: 38C-094.59, Số khung: RNHD970ACGC012805, Số máy: YC4E16033E36M2G00684, đăng ký chủ sở hữu công ty Đ để đảm bảo cho tất cả các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng ký giữa ngân hàng và công ty Đ trong thời gian từ ngày 14/11/2016 đến ngày 14/11/2021.

Hợp đồng cho vay số 061217-3220022-01-SME ngày 08/12/2017, kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 08/12/2017 và khế ước nhận nợ số 061217-3220022-01-SME ngày 09/12/2017, số tiền vay: 539,500,000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng (tính từ ngày tiếp theo ngày 09/12/2017 đến ngày 08/12/2022, lãi suất trong hạn: 11,7%/năm, lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tính đến ngày 28/8/2019 đã trả gốc 98.890.000đ, lãi 52.451.453đ, còn nợ gốc: 440.610.000đ, lãi trong hạn: 3.718.599đ, lãi quá hạn: 61.813.911, phạt chậm trả: 5.413.056đ, **tổng: 511.555.566đ, ngày quá hạn 05/12/2018.**

Hợp đồng thế chấp số: 091117-3220022-01-SME/TC ngày 08/12/2017 thế chấp tại Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWO, BKS: 38C-110.33, Số khung: LZZMEBGD7GC205489, Số máy: YC6J19033J1D15G30233, đăng ký chủ sở hữu công ty Đ để đảm bảo cho tất cả các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng ký giữa ngân hàng và công ty Đ trong thời gian từ ngày 08/12/2017 đến ngày 08/12/2020.

Ông Nguyễn Viết T đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 061217-3220022-01-SME/HĐBL ngày 08/12/2017 với nội dung sẽ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nếu công ty Đ không trả được nợ.

Hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 020118-3220022-01-SME ngày 08/01/2018, số tiền vay: 430,000,000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng (tính từ ngày tiếp theo ngày 08/01/2018 đến ngày 05/01/2021), lãi suất trong hạn: 17%/năm, lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tính đến ngày 28/8/2019 đã trả gốc 426.100.000đ, lãi 50.225.818đ, còn nợ gốc: 3.900.000đ, lãi trong hạn: 6.077.925đ, lãi quá hạn: 55.636.972đ, phạt chậm trả: 8.482.728đ, **tổng: 74.097.625đ, ngày quá hạn 01/8/2018.** Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, Ông Nguyễn Viết T đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 020118-3220022-01-SME/HĐBL ngày 05/01/2018 với nội dung sẽ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nếu công ty Đ không trả được nợ.

Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 27/3/2018 và Khế ước nhận nợ số 270318-3220022-01-SME ngày 27/3/2018, số tiền vay: 340,000,000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng (tính từ ngày tiếp theo ngày 27/03/2018 đến ngày 27/03/2021), lãi suất trong hạn: 21,4%/năm, lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tính đến ngày 28/8/2019 đã trả gốc: 185.798.590đ, lãi 44.170.960đ, còn nợ gốc: 154.201.410đ, lãi trong hạn 50.331.043đ, lãi quá hạn: 58.694.811đ, phạt chậm trả 6.193.737đ, **tổng: 269.421.001đ, ngày quá hạn 25/12/2018**. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, Ông Nguyễn Viết T đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 270318-3220022-01-SME/HĐBL ngày 27/3/2018 với nội dung sẽ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nếu công ty Đ không trả được nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP V– Chi nhánh Hà Tĩnh đã giải ngân tổng số tiền là **1,729,500,000 đồng** (Một tỉ, bảy trăm hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng) và phát hành thẻ tín dụng Quốc tế cho Công ty Cổ phần Đ.

Tính đến ngày 28/8/2019, Công ty Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là **1.092.274.295đ** (trong đó: tiền gốc 878.788.590đ, tiền lãi 213.485.705đ). Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/5/2019 Ngân hàng đã thu giữ tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWO, BKS 38C-110.33, số khung LZZMEBGD7GC205489, số máy YC6J19033J1D15G30233 và thực hiện bán đấu giá theo quy định với giá trúng đấu giá là 440.000.000đ. Sau khi trừ đi các chi phí liên quan (chi phí định giá, đấu giá, phí thuê kho bãi và các chi phí liên quan khác...), Ngân hàng đã tất toán hợp đồng thẻ tín dụng số 223-C-636629, số tiền còn lại là 417.680.000đ đã hạch toán vào gốc các khoản vay của Công ty Đ.

Nguyên đơn đề nghị: rút yêu cầu Tòa án giải quyết một phần dư nợ gốc của Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018, hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018 và hợp đồng thẻ tín dụng số 223-C-636629. Rút yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWO, BKS 38C-110.33, số khung LZZMEBGD7GC205489, số máy YC6J19033J1D15G30233 đăng ký chủ sở hữu công ty Đ theo hợp đồng thế chấp số 091117-3220022-01-SME/TC ngày 08/12/2017 và các khoản phí trong các hợp đồng nêu trên. Rút phần lãi phạt chậm trả cho Công ty Đ tính đến ngày 28/8/2019 là: 24.040.080 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số 121116-3220022-01-SME ngày 14/11/2016. Số tiền tính đến ngày 28/8/2019 là **291.471.725 đồng** (trong đó: nợ gốc 252.000.000đ, lãi trong hạn 3.664.625đ, lãi quá hạn 35.807.100đ). Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo kể từ ngày xét xử sơ

thẩm cho đến ngày Công ty Đ thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty Đ không trả hoặc trả không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng có quyền tự xử lý tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO FD9500, BKS: 38C-094.59, Số khung: RNHD970ACGC012805, Số máy: YC4E16033E36M2G00684, đăng ký chủ sở hữu công ty Đức Phát theo Hợp đồng thế chấp số: 121116-3220011-01-SME/TC ngày 14/11/2016.

Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu ông Nguyễn Viết T là người bảo lãnh có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ cho công ty Đ theo 3 hợp đồng cho vay số 061217-3220022-01-SME ngày 08/12/2017, Hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018, Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018 và theo hợp đồng bảo lãnh số 061217-3220022-01-SME/HĐBL ngày 08/12/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 020118-3220022-01-SME/HĐBL ngày 05/01/2018, hợp đồng bảo lãnh số 230218-3220022-01-SME/HĐBL ngày 27/3/2018. Số tiền tính đến ngày 28/8/2019 là **834.984.671đ**, (trong đó: nợ gốc 598.711.410đ, lãi trong hạn 60.127.567đ, lãi quá hạn 176.145.694đ). Ông Nguyễn Viết T còn phải chịu lãi suất trong hạn, quá hạn theo các hợp đồng đã ký kết nói trên kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định. Việc thụ lý đơn, lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 342, 343, 351, 355 Bộ luật dân sự 2005, các Điều 463, 465, 468, 299 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ điểm c, d khoản 2 điều 24; điểm đ khoản 1 điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam; Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xử:

- Xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty cổ phần vận tải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T.

- Chấp nhận rút yêu cầu của nguyên đơn về: một phần dư nợ gốc của Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018, hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018 và hợp đồng thế tín dụng số 223-C-

636629 và các khoản phí đã thỏa thuận; xử lý tài sản thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWO, BKS 38C-110.33; yêu cầu thanh toán khoản tiền phạt chậm trả của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn Công ty cổ phần vận tải Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng số 121116-3220022-01-SME ngày 14/11/2016. Số tiền tính đến ngày 28/8/2019 là **291.471.725 đồng** (trong đó: nợ gốc 252.000.000đ, lãi trong hạn 3.664.625đ, lãi quá hạn 35.807.100đ). Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Viết T trả nợ theo 3 hợp đồng cho vay số 061217-3220022-01-SME ngày 08/12/2017, Hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018, Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018. Số tiền tính đến ngày 28/8/2019 là **834.984.671đ**, (trong đó: nợ gốc 598.711.410đ, lãi trong hạn 60.127.567đ, lãi quá hạn 176.145.694đ).

- Bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần vận tải Đ phải thanh toán số nợ và xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín chấp, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng bảo lãnh nên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ, nơi cư trú tại thành phố Hà Tĩnh và theo thỏa thuận của các Hợp đồng hai bên cam kết khi có tranh chấp được giải quyết tại Tòa án nơi bên A đóng trụ sở nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty Đ do ông Nguyễn Viết T làm giám đốc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín chấp, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh có địa chỉ tại tổ dân phố 1, phường B, thành phố H, nhưng theo kết quả xác minh tại tổ trưởng tổ dân phố 1 và Công an phường B, thành phố H, ông T đã bỏ đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 11/2018, hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Vì vậy, Tòa án xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T có tình dấu địa chỉ theo quy định tại đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 và tiến hành thụ lý vụ án. Căn cứ Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thông báo thụ lý và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, triệu tập ông Nguyễn Viết T và Quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Báo nhân dân, Đài tiếng nói Việt

Nam và công thông tin điện tử Tòa án nhân dân Tối cao theo quyết định nhưng ông T vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 28/8/2019, nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4]. Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện từ ngày 14/11/2016 đến 27/3/2018 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu Tòa án giải quyết một phần dư nợ gốc của Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018, hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018 và hợp đồng thế tín dụng số 223-C-636629. Rút yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWO, BKS 38C-110.33, số khung LZZMEBGD7GC205489, số máy YC6J19033J1D15G30233, đăng ký chủ sở hữu công ty Đ theo hợp đồng thế chấp số 091117-3220022-01-SME/TC ngày 08/12/2017, rút yêu cầu phần lãi phạt chậm trả. Căn cứ khoản 2 Điều 219, 244 BLTTDS, đình chỉ xét xử một phần dư nợ gốc của Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018, hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018 và hợp đồng thế tín dụng số 223-C-636629 và các khoản phí đã thỏa thuận; đình chỉ xử lý tài sản thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWO, BKS 38C-110.33 và yêu cầu thanh toán khoản tiền phạt chậm trả của nguyên đơn.

[6]. Ngân hàng TMCP V ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay với Công ty Đ đúng với chức năng hoạt động của ngân hàng thương mại, các bên ký hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không khiếu nại nội dung của hợp đồng, Hợp đồng tín dụng số 121116-3220022-01-SME ngày 14/11/2016 phù hợp Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Hợp đồng cho vay số 061217-3220022-01-SME ngày 08/12/2017, Hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018, Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018 ký kết phù hợp Điều 463, 466 BLDS 2015, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Vì vậy, hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay nói trên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thi hành.

[7]. Về lãi suất hai bên thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cho vay giữa hai bên nói trên lần lượt là 7,5%, 11,7%/năm, 17%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, các bên đã thỏa thuận tại Điều 2 của các bản Hợp đồng tín dụng. Việc thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn giữa các bên là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 476 BLDS 2005, Điều 468 BLDS 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày

31/12/2001 của Thông đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[8]. Trên cơ sở các hợp đồng ký kết, hết thời hạn bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 28/8/2019, công ty Đ còn nợ Ngân hàng 1.126.456.396đ, trong đó công ty Đ nợ 291.471.725đ, ông Nguyễn Viết T nợ 834.984.671đ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là phù hợp Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Kể từ ngày 29/8/2019 bên vay còn phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[9] Xét hợp đồng thế chấp số 121116-3220022-01-SME/TC ngày 14/11/2016 ký kết hoàn toàn tự nguyện, được chứng thực, nội dung hợp đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 342, 343 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật. Do bên thế chấp tài sản vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo quy định tại Điều 342, 343, 351, 355 Bộ luật dân sự 2005, điểm c khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 2 của hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp trên đảm bảo cho tất cả nghĩa vụ trả nợ cho tất cả các hợp đồng tín dụng và văn bản tín dụng mà Ngân hàng ký với công ty từ ngày 14/11/2016 đến ngày 14/11/2021. Vì vậy, bên nhận thế chấp là Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu THACO FD9500, BKS 38C-094.59, Số khung: RNHD970ACGC012805, Số máy: YC4E16033E36M2G00684, đăng ký chủ sở hữu công ty Đ để thu hồi các khoản nợ theo quy định pháp luật.

[10]. Xét Hợp đồng bảo lãnh số 061217-3220022-01-SME/HĐBL ngày 08/12/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 020118-3220022-01-SME/HĐBL ngày 05/01/2018, hợp đồng bảo lãnh số 230218-3220022-01-SME/HĐBL ngày 27/3/2018 có hình thức phù hợp các Điều 335 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Do công ty Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu người bảo lãnh là ông Nguyễn Viết T trả nợ thay là phù hợp Điều 339, 342 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Viết T phải trả nợ gốc 598.711.410đ, lãi trong hạn 60.127.567đ, lãi quá hạn 176.145.694đ, tổng cộng **834.984.671đ**.

[11]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[12]. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật, trả lại toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 342, 343, 351, 355 Bộ luật dân sự 2005, các Điều 463, 465, 468, 299 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm c, d khoản 2 điều 24; điểm đ khoản 1 điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNH ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty cổ phần vận tải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T.

2. Đình chỉ xét xử một phần dư nợ gốc của Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018, hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018 và hợp đồng thế tín dụng số 223-C-636629 và các khoản phí đã thỏa thuận; đình chỉ xử lý tài sản thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu HOWO, BKS 38C-110.33, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền phạt chậm trả của nguyên đơn.

3. Buộc bị đơn Công ty cổ phần vận tải Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng số 121116-3220022-01-SME ngày 14/11/2016. Số tiền tính đến ngày 28/8/2019 là **291.471.725 đồng** (trong đó: nợ gốc 252.000.000đ, lãi trong hạn 3.664.625đ, lãi quá hạn 35.807.100đ). Kể từ ngày 29/8/2019 Công ty Đ còn phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký kết.

4. Hợp đồng thế chấp số 121116-3220022-01-SME/TC ngày 14/11/2016 giữa Ngân hàng và công ty Đ có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu THACO FD9500, BKS 38C-094.59, Số khung: RNHD970ACGC012805, Số máy: YC4E16033E36M2G00684, đăng ký chủ sở hữu công ty Đức Phát để thu hồi các khoản nợ của công ty Đ theo quy định của pháp luật.

5. Hợp đồng bảo lãnh số 061217-3220022-01-SME/HĐBL ngày 08/12/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 020118-3220022-01-SME/HĐBL ngày 05/01/2018, hợp đồng bảo lãnh số 230218-3220022-01-SME/HĐBL ngày 27/3/2018 có hiệu lực pháp luật. Buộc ông Nguyễn Viết T trả nợ theo 3 hợp đồng cho vay số 061217-3220022-01-SME ngày 08/12/2017, Hợp đồng cho vay số 020118-3220022-01-SME ngày 05/01/2018, Hợp đồng cho vay từng lần số 230218-3220022-01-SME ngày 27/3/2018. Số tiền tính đến ngày 28/8/2019 là **834.984.671đ**, (trong đó: nợ gốc 598.711.410đ, lãi trong hạn 60.127.567đ, lãi quá hạn 176.145.694đ). Kể từ ngày 29/8/2019 ông Nguyễn Viết T còn phải chịu lãi suất trong hạn, quá hạn theo các hợp đồng đã ký kết nói trên.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc Công ty cổ phần vận tải Đ phải chịu 45.793.692 đồng án phí kinh doanh và thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V 24.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh

thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001211 ngày 03/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

7. “*Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Đức Chính .